

YÊU THƯƠNG TRONG “TRUYỆN KIỀU” - TỪ GÓC NHÌN CỦA NGÔN NGỮ HỌC TRI NHẬN

LOVE IN TALE OF KIEU UNDER THE VIEWPOINT OF COGNITIVE LINGUISTICS

NGUYỄN THU QUỲNH

(TS; Đại học Sư phạm, ĐH Thái Nguyên)

Abstract: The concept of emotional LOVE as a special emotional attachment of two people of the opposite sex can be different from every person, every culture, every ideology. Try to look from the perspective of Cognitive linguistics, as what the *Tale of Kieu* suggests about the best way of understanding the subtle and unique emotion.

Key words: cognitive model; concept; emotion; love; Tale of Kieu.

1. Đặt vấn đề

Với 3254 câu thơ, *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, như cách nói của Phan Ngọc, là “*quyển bách khoa toàn thư của một ngàn tâm trạng*” [6]. *Truyện Kiều* quả thực là tác phẩm tập trung vô vàn tâm trạng, tình cảm khác nhau. Một trong những tình cảm thường xuất hiện nhất trong tác phẩm chính là tình cảm yêu thương. Tìm hiểu phương thức thể hiện tình cảm yêu thương trong *Truyện Kiều* từ góc độ ngôn ngữ học tri nhận, bài viết hi vọng sẽ góp phần giải mã một số tín hiệu ngôn ngữ trong tác phẩm, qua đó thấy được bức tranh tình cảm trong thế giới nội tâm của các nhân vật đồng thời làm rõ đặc trưng tri nhận và phong cách nghệ thuật của Nguyễn Du thể hiện trong tác phẩm *Truyện Kiều*.

2. Mô thức tri nhận về tình cảm YÊU THƯƠNG trong *Truyện Kiều*

Trong nhận thức của những người nói tiếng Việt, tình cảm YÊU THƯƠNG (được thể hiện qua là từ “*yêu*”, “*thương*” và các từ ngữ đồng nghĩa khác) thường được xác định có hai thuộc tính như sau: 1/Có tình cảm dễ chịu khi tiếp xúc với một đối tượng nào đó, muốn gần gũi và thường sẵn sàng vì đối tượng đó mà hết lòng; 2/Có tình cảm thiết thiết dành cho một người khác giới nào đó, muốn chung sống và cùng nhau gắn bó cuộc đời.

Có thể thấy, thuộc tính đầu tiên rộng hơn thuộc tính thứ hai. Thuộc tính này xác định phạm vi YÊU THƯƠNG trong những quan hệ tình cảm như tình yêu anh - em (tình yêu giữa

những người ngang bằng); tình yêu người mẹ (tình yêu đối với những tồn tại yếu đuối); tình yêu bản thân; tình yêu Chúa,... và thường liên quan đến những từ đồng nghĩa như: *thương*, *quý*, *mến*, ... Trong *Truyện Kiều*, cũng có thể bắt gặp những ví dụ tương tự, như:

Quần gia có một mẹ nào/Thấy người thấy nét ra vào mà thương.

Ở trên còn có nhà thung/Lượng trên trông xuống, biết lòng có thương...

Trong khi đó, thuộc tính thứ hai chủ yếu là nói về tình yêu trong quan hệ khác giới với những cung bậc tình cảm khác nhau và trong *Truyện Kiều* thường được biểu đạt bằng những từ đồng nghĩa như: *thương* (với nghĩa “*yêu*”), *ưa*, *mộ*... trong những câu thơ như:

Thương nhau xin nhớ lời nhau/ Năm chầy cũng chẳng đi đâu mà chầy.

Thương nhau sinh tử đã liều/ Gặp nhau còn chút bấy nhiêu là tình.

Đặt trong khuôn khổ lí thuyết về mô thức tri nhận lí tưởng, có thể hình dung về tình cảm YÊU THƯƠNG như một mô thức phức cấu gồm một số tiểu mô thức tri nhận như:

(i) Tiểu mô thức về sự ảnh hưởng (đương tính - tích cực/âm tính - tiêu cực): tình cảm YÊU THƯƠNG là tình cảm có tính chất đương tính, tác động tích cực tới trạng thái tâm lí của con người

(ii) Tiểu mô thức về mức độ (mạnh/không mạnh): tình cảm YÊU THƯƠNG có cường độ mạnh hơn những tình cảm khác.

(iii) Tiêu mô thức về đối tượng (hướng ngoài/ hướng nội): tình cảm YÊU THƯƠNG dành cho đối tượng khác (thường được nhắc đến là người đặc biệt, khác giới) hoặc cho bản thân mình. Người thụ hưởng hành vi thích ứng có thể là chủ thể (yêu bản thân) nhưng thông thường là đối thể (người đặc biệt khác giới, cha mẹ, anh em, con cái, bạn bè, nhân loại,...).

(iv) Tiêu mô thức về nguyên nhân: tình cảm YÊU THƯƠNG có thể phát sinh do những nguyên nhân thuần túy xúc cảm hoặc những nguyên nhân khác như sự tri ân, sự suy nghĩ,...

(v) Tiêu mô thức về khả năng kiểm soát: tình cảm YÊU THƯƠNG (trong mỗi quan hệ khác giới) có thể dẫn đến những hành động mất kiểm soát như muốn gần gũi hay sự động chạm về thể xác, muốn âu yếm, tình tứ,...

Dưới đây, xin minh họa các tiêu mô thức tri nhận nói trên mà thường hay gặp nhất trong *Truyện Kiều*, bằng những ví dụ là các biểu thức ngôn ngữ (BTNN) có chứa các từ ngữ biểu thị trực tiếp tình cảm YÊU THƯƠNG.

a. Tiêu mô thức về mức độ

Từ liệu khảo sát *Truyện Kiều* cho thấy: tình cảm YÊU THƯƠNG được thể hiện rất phong phú và đa dạng với nhiều cung bậc khác nhau. Một phạm trù như YÊU THƯƠNG (tương đương trong tiếng Anh là LOVE) ở *Truyện Kiều* có thể được biểu hiện bằng 7 từ sau đây (sắp xếp theo tần số xuất hiện cao - thấp trong tác phẩm): *thương, yêu, ưa, ái ân, thương nhớ, mộ, kính yêu*. Ở mức độ cao của tình yêu là các từ: *yêu, ái ân, kính yêu, thương*; ở mức độ thấp hơn được biểu thị bằng các từ là: *thương nhớ, mộ, ưa*. Chẳng hạn:

Nói về tình cảm của Kiều và Thúc sinh ngay từ khi mới gặp gỡ: *Thương sao cho vẹn thì thương/Tình sao cho trọn mọi đường xin vâng*. Đến khi chia tay Thúc sinh, Kiều cũng đã ân cần dặn dò: *Thương nhau xin nhớ lời nhau/Năm chầy cũng chẳng đi đâu mà chầy*. Và sau này, khi Kiều gặp lại Kim Trọng sau 15 năm dài xa cách, Nguyễn Du cũng dùng từ *thương* để ý niệm hóa tình cảm giữa hai người,

ví dụ: *Thương nhau xin nhớ lời nhau/Gặp nhau còn chút bấy nhiêu là tình*.

Ở mức độ cao hơn, để biểu thị ý niệm tình cảm gắn bó đặc biệt của hai người khác giới, Nguyễn Du còn dùng từ *yêu* và *ái ân*.

Từ *Yêu* xuất hiện trong trường cảnh khi Kiều nói với Thúc sinh: *Bình Khang nán nà bấy lâu/Yêu hoa yêu được một màu diễm trang* hay khi Nguyễn Du miêu tả tình cảm say đắm của Kim Trọng dành cho Kiều trong ngày gặp lại: *Thoắt thôi, tay lại cầm tay/Càng yêu vì nét càng say vì tình*.

Từ *ái ân* được Nguyễn Du sử dụng trong trường hợp nói về tình cảm của Kiều dành cho Kim Trọng trong đêm trao duyên cho Thủy Vân: *Bây giờ trâm gãy gương tan/Kẻ làm sao hết muốn vãn ái ân*. Thúc sinh cũng đã có lần khuyên Kiều: *Liệu mà xa chạy cao bay/Ái ân ta có ngần này mà thôi*, khi nhận thức được tình yêu của mình và Kiều đã bị Hoạn Thư làm cho tan vỡ, chia lìa. Sau này, khi Kiều được trở về đoàn tụ với gia đình, Nguyễn Du cũng đã dùng lối đi lối lại từ *ái ân* và *ái ân* để nói về mong muốn một tình cảm gắn bó đặc biệt của Kim Trọng dành cho Thủy Kiều: *Còn nhiều ân ái chan chan/Nghĩ rằng chưa thoát khỏi vòng ái ân*.

Có lẽ, trong ba mối tình với ba người đàn ông Kim Trọng, Thúc sinh và Từ Hải thì tình yêu của Kiều dành cho Kim Trọng là sâu đậm và tha thiết nhất. Chẳng thế mà trước khi ra đi với Mã giám sinh, Kiều đã than khóc vật vã: *Ôi Kim Lang, hỡi Kim Lang/Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đây*. Khi ở lầu Ngưng Bích, giữa bốn bề trợ trợ, nàng cũng đã tưởng nhớ tới người yêu năm xưa đã cùng thể ước: *Tưởng người dưới nguyệt chén đồng/Tin sương luống những rày trông mai chờ/Bên trời góc bể bơ vơ/Tâm son gột rửa bao giờ cho phai*. Khi ở lầu xanh, nàng cũng khôn người thương nhớ Kim Trọng: *Nhớ lời nguyện ước ba sinh/Xa xôi ai có thấu tình chăng ai?* và khi đã lấy Từ Hải, hình ảnh của Kim Trọng vẫn luôn hiện lên trong tâm trí nàng: *Tiết thay chút nghĩa cũ càng/Dấu lìa ngó ý còn vương tơ lòng*.

Ở mức độ thấp hơn, Nguyễn Du sử dụng các BTNN như *ua*, *mộ* khi nói đến tình cảm YÊU THƯƠNG mới ở mức độ cảm tính. Ý niệm biểu thị tình yêu ở mức độ cảm tính như lấy làm bằng lòng, thích thú được xuất hiện trong ngữ cảnh khi Mã Giám sinh mua Kiều: *Mặn nồng một vẻ một ua/Bằng lòng khách mới tùy cơ đặt dẫu* hay khi Từ Hải gặp Kiều: *Trương tô giáp mặt hoa đào/Vẻ nào chẳng mặn, nét nào chẳng ua; Hai bên cùng liếc hai lòng cùng ua*. Ý niệm biểu thị tình yêu mới ở mức độ của sự ham thích được xuất hiện trong ngữ cảnh Từ Hải chủ động đến tìm Kiều khi nghe được danh tiếng của Kiều đã lâu: *Hoa khôi mộ tiếng Kiều nhi/Thiếp hồng tìm đến hương khuê gửi vào*.

Như vậy, dựa trên tư liệu khảo sát trong *Truyện Kiều*, tiểu mô thức tri nhận về mức độ của tình cảm YÊU THƯƠNG cho thấy, tình cảm này được thể hiện trong tác phẩm là một tình cảm mạnh mẽ, dồn nén và có tính trong đời ổn định. Tình cảm YÊU THƯƠNG trong mối quan hệ nam nữ (tức với một đối tượng đặc biệt khác giới) có cường độ mạnh hơn những tình cảm khác và có sự phát triển tương đối phong phú từ tình cảm ở mức độ thấp, còn mang tính chất cảm tính (cảm tình) (như *ua*, *mộ*...) cho đến sự nồng nàn, cuồng nhiệt, xâm chiếm toàn bộ đời sống tinh thần của cá nhân (như *yêu*, *ái ân*, *thương*,...).

b. Tiểu mô thức về đối tượng

Tình cảm YÊU THƯƠNG thường hướng tới đối tượng là đối thể như một người đặc biệt khác giới, cha mẹ, anh em, con cái, bạn bè, nhân loại,... hoặc hướng tới chủ thể là bản thân mình.

Trong *Truyện Kiều*, tiểu mô thức tri nhận về đối tượng của tình cảm YÊU THƯƠNG được thể hiện hết sức phong phú. Đối tượng của tình cảm này được Nguyễn Du nhắc đến trong mối quan hệ tình cảm gần bó đặc biệt của Thúy Kiều với ba người khác giới gồm: Kim Trọng, Thúc sinh và Từ Hải.

Kim Trọng là người yêu đầu tiên của Kiều và cũng là người được Kiều luôn tưởng nhớ và

yêu thương nhất. Đây là mối tình thơ ngây, trong sáng và rất mộng mơ. Hai người yêu nhau trong ước mộng, trong tưởng tượng nhiều hơn là trong thực tế. Kim Trọng đã thầm yêu Kiều từ khi chưa gặp gỡ: *Nước non cách mấy buông thêu/Những là trộm giấu thâm yêu chốc mòng*. Vừa mới gặp nhau trong tiết Thanh minh, hai bên đã yêu nhau trong một mối tình thâm lặng: *Người quốc sắc, kẻ thiên tài/Tình trong như đã mắt ngoài còn e*. Tình yêu của Thúy Kiều với Kim Trọng có thể nói là nồng thắm nhưng không vội vàng; trái lại có phần e ấp, dịu dàng, gìn giữ.

Khác với Kim Trọng, tình yêu của Kiều với Thúc sinh là tình yêu của một kĩ nữ đối với khách làng chơi. Tình yêu của Từ Hải với Thúy Kiều cũng là tình giữa khách làng chơi và kĩ nữ nhưng mối tình này cũng có ít nhiều điểm giống với tình yêu của Kim Trọng với Thúy Kiều: Thúy Kiều đã xúc động vì dáng điệu hào hoa, phong nhã của Kim Trọng và cái uy nghi, lẫm liệt, khí phách ngang tàng của Từ Hải.

Với các đối tượng khác trong tiểu mô thức tri nhận của tình cảm YÊU THƯƠNG, trong *Truyện Kiều*, Nguyễn Du cũng đặt Kiều trong mối quan hệ:

Với cha của Thúc sinh là Thúc ông: *Lượng trên trông xuống biết lòng có thương, Nghi con vắng vẻ thương người nết na;*

Với viên quan xử vụ kiện: *Nghe lời nói cũng thương lời;*

Với người quản gia của gia đình họ Hoạn: *Thấy người thấy nết ra vào mà thương, với Giác Duyên: Giác Duyên sự trường lòng lành liền thương.*

Đặc biệt là cả tình cảm của Hoạn Thư dành cho Kiều: *Tiểu thư xem cũng thương tài/Rằng: Tài nên trọng mà tình nên thương.*

Tình cảm YÊU THƯƠNG còn xuất hiện trong ngữ cảnh Kiều dành cho cha mẹ trong những tháng ngày lưu lạc (*Xót thay huyền cốt, xuân già/Tấm lòng thương nhớ biết là có*

người) và cho bán thân (*Khi tình rượu, lúc tàn canh/Giết mình, mình lại thương mình xót xa*).

Có thể thấy tiêu mô thức tri nhận về đối tượng của tình cảm YÊU THƯƠNG tương đối phong phú, đa dạng: là một người đặc biệt khác giới; là một đối tượng nào đó có quan hệ gắn bó trong các mối quan hệ gia đình và xã hội (cha chồng - con dâu, vợ cả - vợ lẽ, quan - dân thường, quán gia - người giúp việc,...) và cũng có thể là chính bản thân mình (ái kỉ - tự yêu).

c. Tiêu mô thức về nguyên nhân

Tình cảm YÊU THƯƠNG có thể phát sinh do những nguyên nhân thuần túy xúc cảm hoặc những nguyên nhân khác như sự tri ân, sự tính toán vụ lợi,...

Trong *Truyện Kiều*, Nguyễn Du không đề cập trực tiếp nhưng người đọc vẫn có thể nhận ra khi đặt tiêu mô hình tri nhận về nguyên nhân của tình cảm này trong mỗi quan hệ tình cảm của Kiều với ba người đàn ông trong đời nàng là Kim Trọng, Thúc sinh và Từ Hải:

Nguyên nhân tạo nên tình yêu của Thúy Kiều và Kim Trọng là sự hòa hợp của con tim. Sắc đẹp của Kiều khiến *hoa ghen, liễu hờn*, khiến *nghiêng nước nghiêng thành* cũng như phong thái *phong nhã, hào hoa* của Kim Trọng đều là những nét thanh xuân trong sáng, hấp dẫn của những người đang yêu.

Tình yêu giữa Thúy Kiều và Thúc sinh bắt nguồn chủ yếu từ nguyên nhân tình dục và sự toan tính. Đối với Thúc sinh, tình cảm giữa hai người là theo cách nhiều lần gần gũi nên thành tình yêu: *Sớm đào tối mạn lân la/Trước còn trăng gió sau ra đá vàng*. Với Kiều, tình yêu ấy là sự suy tính, được xây dựng trên căn bản tiền bạc và của một người đàn bà từng trải, chứ không trong sáng như của nàng đối với Kim Trọng: *Thương sao cho vẹn thù thương/Tình sao cho trọn mọi đường xin vàng*.

Tình yêu giữa Từ Hải với Thúy Kiều cũng là tình giữa khách làng chơi và kĩ nữ, tuy nhiên cũng có phần giống với tình yêu của Kim Trọng và Thúy Kiều. Thúy Kiều cũng đã xúc động trước vẻ đẹp và tài năng của một võ

tướng: *Đường đường một đấng anh hào/Côn quyền hơn sức, lược thao gồm tài*. Tình yêu của Thúy Kiều với Từ Hải cũng là một tình yêu bột phát khi cả hai đều bị "*tiếng sét ái tình*" trong buổi hội ngộ đầu tiên: *Thiếp danh đưa đến lầu hồng/Hai bên cùng liếc hai lòng cùng u*. Nhưng tình yêu này dấu sao cũng có ít nhiều sự tính toán, là Kiều mong có người để được cậy nhờ, nương tựa: *Rộng thương có nội hoa hèn/Chút thân bèo bọt dám phiền mai sau*.

Như vậy, có thể thấy, tiêu mô thức tri nhận về nguyên nhân của tình cảm YÊU THƯƠNG có thể phát sinh do các nguyên nhân khác nhau hoặc xen lồng giữa các nguyên nhân. Trong đó, mô thức tri nhận lí tưởng về một tình yêu chân chính, nguyên nhân thuần túy xúc cảm có vai trò đặc biệt quan trọng và luôn được coi trọng. Có lẽ, vì thế mà trong ba mối tình của Kiều, mối tình của Kiều với Kim Trọng là mối tình sâu đậm, dài lâu và tha thiết nhất.

d. Tiêu mô thức về khả năng kiểm soát

Tình cảm YÊU THƯƠNG (xét trong mối quan hệ nam nữ) có thể dẫn đến những hành động mất kiểm soát như muốn gần gũi hay sự động chạm về thể xác; muốn âu yếm, tình tứ,... Tiêu mô thức tri nhận này cũng đã được thể hiện tương đối rõ trong *Truyện Kiều*.

Khi lửa tình đã bùng cháy trong Thúy Kiều và Kim Trọng, Nguyễn Du đã miêu tả cảnh Thúy Kiều đến với Kim Trọng trong một đêm trăng (có phần hơi liêu lĩnh và hoàn toàn vượt ra ngoài khuôn phép của lễ giáo phong kiến): *Gót sen thoăn thoắt dạo ngay mái tường hay Xăm xăm băng lối vườn khuya một mình*. Đêm hôm ấy, sau khi hai người đã cùng nhau thể thốt và sau khi nàng dạo đàn cho Kim Trọng nghe, Kim Trọng đã tỏ ra không kiềm chế nổi mình: *Sóng tình đường đã xiêu xiêu/Xem trong âu yếm có chiều là lời*, Kiều đã kịp thời ngăn chặn được cái "*sóng tình*" ấy để dành giữ cho nhau sự trinh nguyên quý giá: *Đã cho vào bít: bó kính/Đạo tông phu lấy chữ trinh làm đầu/Ra tường trên bực trong lầu/Thì con*

người ấy ai cầu làm chi. Sau này, khi Kiều đã sa vào vòng luân lạc, đã "sống làm vợ khắp người ta" như Đạm Tiên thuở trước, nàng cũng đã có lúc chợt tiếc nuối: *Nghĩ thân đến bước lạc loài/Nhĩ đào thà bé cho người tình chung*. Khi xây dựng mối tình giữa Thúy Kiều và Kim Trọng, Nguyễn Du dường như đã muốn giữ cho tình yêu này trong sáng tuyệt đối từ đầu đến cuối. Nên dù vẫn có những âu yếm, tình tứ, những đam mê, khao khát nhưng tình yêu này đã không vượt ra khỏi giới hạn của chữ TRINH, từ lúc mới ban đầu hay sau 15 năm lưu lạc của Kiều.

Khác với Kim Trọng, với Từ Hải và đặc biệt là với Thúc sinh, Nguyễn Du lại gắn tình yêu trong tiêu mô thức tri nhận về khả năng kiểm soát/mất kiểm soát liên quan đến tình dục. Đó là lúc Thúc sinh được chiêm ngưỡng dung nhan của người đẹp trong cảnh: *Buồng the phải buổi thong dong/Thanh lan rủ bức trướng hồng tâm hoa/Rõ ràng trong ngọc trắng ngà/Dây dây sẵn đúc một tòa thiên nhiên*. Tất nhiên, với một tài năng sử dụng ngôn ngữ bậc thầy, Nguyễn Du không cần phải nói ra tất cả nhưng người đọc vẫn có thể hiểu được hàm ý của ông. Từ đây, Thúc sinh ngày càng bị Kiều chinh phục và muốn lấy nàng làm vợ. Mối tình của Từ Hải với Kiều lại càng diễn ra một cách chóng vánh. Chỉ mới trò chuyện vài câu, sau khi đã ý hợp tâm đầu, Từ Hải đã vội lo chuộc Thúy Kiều và để mong sống chung với nhau: *Ngò lời nói với băng nhân/Tiền trăm lại cứ nguyên ngân phát giường thất bảo vây màn bát tiên*.

Như vậy, tiêu mô thức tri nhận này đã được thể hiện tương đối rõ ràng, ở những mức độ khác nhau: Tình cảm YÊU THƯƠNG có khả năng dẫn đến những hành động mất kiểm soát như muốn gần gũi hay sự động chạm về thể xác, muốn âu yếm, tình tứ và cao nhất là quan hệ tình dục,... Tiêu mô thức tri nhận này cũng cho thấy, trong tình cảm YÊU THƯƠNG, con người có thể dùng lí trí để kiểm soát hành vi

nhưng cũng có khi không thể kiểm soát được hành vi của mình.

3. Một số ẩn dụ ý niệm về tình cảm YÊU THƯƠNG trong *Truyện Kiều*

3.1. Số liệu thống kê

Khảo sát các ẩn dụ ý niệm về tình cảm YÊU THƯƠNG qua các BTNN trong *Truyện Kiều* đã cho kết quả như sau:

Bảng 1. Kết quả khảo sát ẩn dụ ý niệm về tình cảm YÊU THƯƠNG

TT	Ẩn dụ ý niệm	Lượt xuất hiện
1	YÊU THƯƠNG LÀ MỘT VẬT THỂ	46 (57,5%)
2	YÊU THƯƠNG LÀ MÙA XUÂN	10 (12,5%)
3	YÊU THƯƠNG LÀ MỘT CUỘC HÀNH TRÌNH	7 (8,8%)
4	YÊU THƯƠNG LÀ LỬA	6 (7,5%)
5	YÊU THƯƠNG LÀ MA LỰC	4 (5,0%)
6	YÊU THƯƠNG LÀ CHẤT LỎNG TRONG BẦU CHỨA	4 (5,0%)
7	YÊU THƯƠNG LÀ BẦU CHỨA	3 (3,7%)
Tổng: 80 (100%)		

(*Ghi chú: Trong bảng khảo sát này, con số thống kê chỉ các BTNN có chứa các ẩn dụ ý niệm)

3.2. Nhận xét

Trong *Truyện Kiều*, xuất hiện 7 ẩn dụ ý niệm về tình cảm YÊU THƯƠNG. Các miền Nguồn là VẬT THỂ, MÙA XUÂN, CUỘC HÀNH TRÌNH, LỬA, MA LỰC, CHẤT LỎNG TRONG BẦU CHỨA, BẦU CHỨA đã ánh xạ sang miền Đích là tình cảm YÊU THƯƠNG. Ẩn dụ ý niệm YÊU THƯƠNG LÀ VẬT THỂ có lượt xuất hiện nhiều nhất (46 lượt, chiếm 57,5%). Tiếp đến là ẩn dụ ý niệm YÊU THƯƠNG LÀ MÙA XUÂN (10 lượt, chiếm 12,5%). Ẩn dụ ý niệm YÊU THƯƠNG LÀ BẦU CHỨA có lượt xuất hiện ít nhất (3 lượt, chiếm 3,7%). Cụ thể:

(1) YÊU THƯƠNG LÀ MỘT VẬT THỂ

Mô hình này được Nguyễn Du sử dụng có tần số lớn nhất trong tác phẩm. Với mô hình ẩn dụ này, Nguyễn Du đã gán các thuộc tính, đặc trưng của VẬT THỂ cho tình cảm YÊU.

Đây là sự tri nhận mang tính độc đáo, sáng tạo của Nguyễn Du bởi mô hình tri nhận này không xuất hiện trong danh sách các ẩn dụ ý niệm phổ quát của nhân loại về tình cảm YÊU THƯƠNG được G. Lakoff & M. Johnson, Gibbs và Z. Kövecses thống kê. Ẩn dụ ý niệm này được thể hiện qua BTNN tiêu biểu, ví dụ:

*Mối tình đôi đoạn vò tơ/Giấc hương quan
lông lẩn mơ canh dài.*

*Có tình mà cũng tại ta/Tu là cỡi phúc tình
là dây oan*

*Nào người cũ gió tuàn mua/Một ngày năng
gánh tương tư một ngày.*

(ii) YÊU THƯƠNG LÀ MÙA XUÂN

Đây là mô hình tri nhận có tần số lớn thứ hai trong *Truyện Kiều* để ý niệm hóa tình cảm YÊU. Trong mô hình ẩn dụ này, Nguyễn Du đã gán các thuộc tính, đặc trưng của MÙA XUÂN cho tình cảm YÊU THƯƠNG. Cũng như MÙA XUÂN, tình cảm YÊU đem lại sức sống phơi phới, niềm vui và hạnh phúc cho những người đang yêu. Đây cũng là một sự tri nhận mang tính độc đáo, sáng tạo của Nguyễn Du bởi mô hình tri nhận này cũng không xuất hiện trong danh sách các ẩn dụ ý niệm phổ quát về tình cảm YÊU được G. Lakoff & M. Johnson, Gibbs và Z. Kövecses thống kê. Ẩn dụ ý niệm này được thể hiện qua BTNN tiêu biểu, ví dụ:

*Đủ điều trung khúc ân cần/Lòng xuân phơi
phơi chén xuân tàng tàng.*

*Vinh hoa bỏ lúc phong trần/Chữ tình ngày
một thêm xuân một ngày...*

(iii) YÊU THƯƠNG LÀ MỘT CUỘC HÀNH TRÌNH

Mô hình này là mô hình tri nhận mang tính phổ quát chung của nhân loại trên cơ sở các thuộc tính và tri thức về CUỘC HÀNH TRÌNH được ánh xạ, phóng chiếu cho tình cảm YÊU THƯƠNG; một số đặc trưng của CUỘC HÀNH TRÌNH được gán cho tình cảm YÊU THƯƠNG của con người. Trong *Truyện Kiều*, Nguyễn Du nhận thức tình cảm YÊU dựa trên ý niệm về các quá trình trong một cuộc hành trình cụ thể. Ẩn dụ ý niệm này

được thể hiện trong các BTNN tiêu biểu, ví dụ:

*Rắp mong treo án từ quan/Mây sông cũng
lội mây ngàn cũng pha/Dấn mình trong àng
can qua/Vào sinh ra tử họa là thấy nhau.*

*Quần chi lên thác xuống ghềnh/Cũng toan
sống thác với tình cho xong.*

(iv) YÊU THƯƠNG LÀ LỬA

Đây là mô hình tri nhận quan trọng của cả cộng đồng văn hóa phương Đông và phương Tây để ý niệm hóa tình cảm YÊU. Các thuộc tính, đặc trưng và tri thức về LỬA được ánh xạ, phóng chiếu lên các trạng thái của tình cảm YÊU THƯƠNG. Trong *Truyện Kiều*, YÊU cũng đã được tri nhận dựa trên ý niệm về các trạng thái của LỬA. Sự mãnh liệt của tình yêu được miêu tả như một ngọn lửa đang bùng cháy. Sự tồn tại của tình yêu giống như một ngọn lửa đang cháy, sự ra đi của tình yêu giống như việc một ngọn lửa đang bị dập tắt,... Ẩn dụ ý niệm này được thể hiện qua BTNN như:

*Trách lòng hồ hững với lòng/Lửa hương
chốc để lạnh lũng bấy lâu.*

*Đàn cầm khéo ngăn nợ dây/Lửa hương
biết có kiếp này nữa thôi...*

(v) YÊU THƯƠNG LÀ MA LỰC

Đây là mô hình tri nhận mang tính phổ quát của nhân loại để ý niệm hóa tình cảm YÊU THƯƠNG. Trong tư duy của con người, tình cảm YÊU THƯƠNG được xem như một phép màu kì diệu chi phối người đang yêu, khiến họ không cưỡng nổi hay khó mà thoát ra được. Trong *Truyện Kiều*, Nguyễn Du cũng nhận thức tình cảm YÊU THƯƠNG như là một phép màu nhiệm, như một thứ ma lực mê hoặc người đang yêu. Ẩn dụ ý niệm này được thể hiện qua BTNN tiêu biểu:

*Sinh càng một tình mười mê/Ngày xuân
lắm linh đi về với xuân.*

*Thần thờ lực tình lực mê/Máu theo nước
mắt hồn lìa chiêm bao...*

(vi) YÊU THƯƠNG LÀ CHẤT LÒNG TRONG BÀU CHỨA

Đây là mô hình tri nhận mang tính phổ quát của nhân loại để ý niệm hóa tình cảm YÊU THƯƠNG. Trong tư duy chung của con người, tình cảm YÊU THƯƠNG cũng giống như các tình cảm khác được xem như một thứ chất lỏng trong bầu chứa cơ thể. Trong *Truyện Kiều*, tình cảm YÊU THƯƠNG cũng được coi như là một thứ chất lỏng trong bầu chứa cơ thể con người. Ấn dụ ý niệm này được thể hiện qua BTNN tiêu biểu:

*Sống tình dường đã xiêu xiêu/Xem trong
đau yếm có chiều là loi.*

*Tình xưa lại láng khôn hàn/Thong dong
lại hỏi ngón đàn ngày xưa,...*

(vii) YÊU THƯƠNG LÀ BẦU CHỨA

Đây cũng là mô hình tri nhận mang tính phổ quát của nhân loại để ý niệm hóa tình cảm YÊU THƯƠNG. Tình cảm này được xem như một bầu chứa để những người yêu nhau có thể “rơi” vào đó. Trong *Truyện Kiều*, Nguyễn Du cũng nhận thức tình cảm YÊU THƯƠNG như là một bầu chứa. Ấn dụ ý niệm này được thể hiện qua BTNN tiêu biểu:

*Đã nguyện hai chữ đồng tâm/Trăm năm
thê chẳng ồm cầm thuyền ai.*

*Về chi chút phận bèo mây/Làm cho bề ai
khi đây khi vơi.*

2.3. Phân tích trường hợp

YÊU THƯƠNG: YÊU THƯƠNG LÀ MỘT VẬT THỂ

Ấn dụ ý niệm này được Nguyễn Du sử dụng nhiều hơn cả trong cách tri nhận của mình để ý niệm hóa tình cảm YÊU THƯƠNG. Ấn dụ ý niệm này thuộc loại ấn dụ bản thể. Chính kinh nghiệm của con người về các vật thể là cơ sở để tạo ra ấn dụ bản thể. Trong loại ấn dụ này, con người thường coi các ý niệm vô hình, trừu tượng, mơ hồ như trạng thái, sự kiện, hoạt động tâm lí, tình cảm, tư tưởng là những thực thể hữu hình, trừu tượng. Ấn dụ bản thể giúp chúng ta hiểu rõ hơn các ý niệm trừu tượng.

Trong mô hình này, các thuộc tính, đặc trưng của VẬT THỂ được gán cho tình cảm YÊU THƯƠNG. Đây là sự nhận thức mang

tính độc đáo, sáng tạo của Nguyễn Du bởi mô hình tri nhận này không thấy xuất hiện trong danh sách các ấn dụ ý niệm phổ quát của nhân loại về tình cảm YÊU THƯƠNG.

VẬT THỂ trong mô hình tri nhận Nguyễn Du của ấn dụ ý niệm YÊU THƯƠNG LÀ MỘT VẬT THỂ được Nguyễn Du nhận thức rất cụ thể: YÊU THƯƠNG LÀ SỢI TƠ VƯƠNG VÍT, YÊU THƯƠNG LÀ SỢI DÂY RÀNG BUỘC. Nghĩa gốc của *sợi tơ* là chỉ thứ sợi do con tằm nhả ra mà thành (*tơ tằm*) hay chỉ sợi chỉ mảnh (*tơ mảnh*). Từ ý nghĩa này, *sợi tơ* được ý niệm gắn với *tơ duyên* (*Tơ duyên* còn *vướng mối này chưa xong*), *lòng tơ* (*Dầu thay mái tóc dăm rời lòng tơ*), *tơ lòng* (*Dầu lia ngõ ý còn vương tơ lòng*), *tơ tình* (*Tơ tình đứt ruột lửa phiền cháy gan*). Theo quan niệm của phương Đông, nam nữ yêu nhau và lấy được nhau là nhờ có ông Tơ, bà Nguyệt (điển tích *Nguyệt lão xe tơ*). Trong *Truyện Kiều*, Nguyễn Du cũng nhắc đến tích này thông qua BTNN: *Trong màn làm lễ tơ hồng kết duyên* hay *Duyên dẫu ai đứt tơ đào* hoặc *Nói chi kết tóc xe tơ...* Từ những cách dùng các BTNN này, có thể thấy tác giả *Truyện Kiều* đã gán *sợi tơ* với ý niệm về tình cảm YÊU. Tình yêu ở trong lòng được ví như một sợi tơ, vậy nên khi *tơ lòng* đã đứt tức là tình yêu cũng mất. Từ ý niệm này, Nguyễn Du nhận thức YÊU THƯƠNG như là một VẬT THỂ nên có thể *vướng* (*tơ duyên còn vướng*), có thể *vương* (*vương tơ*), có thể *gỡ* (*gỡ mối tơ mảnh*),... Về ý niệm này, nhà thơ Xuân Diệu có lần đã bình rằng việc Kim - Kiều phải chia cách như cái ngõ sen bị bẻ đôi, nhưng ở giữa hai đoạn vẫn còn có những sợi tơ lòng của ngõ sen nứa lấy mãi thôi. Ông đã đánh giá đây là một hình ảnh rất Á Đông, rằng tác giả *Truyện Kiều* đã chọn hình tượng rất giỏi, đứt mà vẫn nối, xa nhau vẫn yêu nhau, càng bị đời chia rẽ trái tim càng nứa lấy nhau.

Trong mô hình ấn dụ ý niệm này, các thuộc tính, đặc trưng của VẬT THỂ (giống như *sợi dây*) được gán cho miền Đích là tình cảm YÊU THƯƠNG. Từ một ý niệm trừu

tượng như tình cảm YÊU THƯƠNG, Nguyễn Du đã gán tình cảm YÊU THƯƠNG như một sợi dây để có thể buộc trong BTNN: *Có tình mà cũng tại ta/ Tu là cõi phúc tình là dây oan* hay *Lại mang lấy một chữ tình/ Khư khư mình buộc lấy mình vào trong*. Ở đây, tình cảm YÊU THƯƠNG giống như một vật thể (sợi dây) để có thể buộc được. Lời phát biểu của sư Tam Hợp là tư tưởng đạo Phật, có lẽ cũng là suy nghĩ của chính Nguyễn Du. Lí trí nghe Phật dạy “*tình là dây oan*”, là áy dục, là vô minh che lấp bản thể, nhưng trái tim nhà thơ lại rung động sâu xa để viết lên những dòng thơ tả tình đẹp với những xúc động ngọt ngào, gọi lên hạnh phúc đích thực của tình yêu trần tục. Sau này, trong lời của Thúc sinh kể cho Kim Trọng nghe về đoạn đời của Kiều, Nguyễn Du cũng gán tình cảm này như là sợi dây trong BTNN: *Phong trần đã chịu ẽ chề/ Dây duyên sau lại gá ẽ Thúc lang*.

Từ một phạm trù trừu tượng như tình cảm YÊU THƯƠNG, thông qua ẩn dụ này, YÊU THƯƠNG được nhìn nhận như một vật thể nặng trong các BTNN như: *Một ngày nặng gánh tương tư một ngày, Giữa đường đứt gánh tương tư. Ấy là tình nặng ấy là ân sâu, Nàng rằng: Nghĩa nặng nghìn non. Mà toan sẽ gánh chung tình làm hai*, ... Nhận thức này của Nguyễn Du hoàn toàn hợp logic bởi đối với người bình dân, chữ “tình” luôn gắn với chữ “nghĩa”. “Tình” ở đây là tình yêu, tình cảm. “Nghĩa” là nghĩa vụ, trách nhiệm. Tình càng dày, nghĩa càng nặng, thậm chí tình đã nhạt nhưng nghĩa vẫn còn. Ý thức về điều này, về sự ràng buộc tình cảm có trước có sau nên ông cha ta xưa luôn coi trọng tình cảm. Có lẽ từ điều đó nên tình yêu được nhận thức như một vật nặng, những người đã yêu nhau là phải có trách nhiệm với nhau, coi tình cảm là một gánh nặng mà mình có trách nhiệm phải gánh. Kho tàng ca dao của người Việt cũng xuất hiện nhiều câu có ý này như: *Vợ chồng nghĩa nặng tình sâu/ Thương nhau đến thườ bạc đầu vẫn thương* hay *Muối ba năm muối đang còn mặn/ Gừng chín tháng gừng*

hãy còn cay/Đôi ta nghĩa nặng tình dày/ Có xa nhau đi nữa cũng ba vạn sáu ngàn ngày mới xa, ...

Từ một ý niệm trừu tượng như tình cảm YÊU THƯƠNG, Nguyễn Du cũng nhận thức tình cảm này như một VẬT THỂ CÓ HÌNH KHỐI thông qua các BTNN như: *Dù chàng xét tấm tình si/ Thiệt đây mà có ích gì đến ai?* hay *Hoa hương càng tỏ thục hồng/ Dầu mây cuối mắt càng nồng/ Tấm yêu hoặc Bên trời góc bể bơ vơ/ Tấm son gột rửa bao giờ cho phai*, ... *Tấm* trước hết là một loại từ dùng để chỉ vật gì hình dẹt và mỏng. Từ nghĩa gốc này, Nguyễn Du đã sử dụng để chỉ *cái lòng*, *cái thân* với sắc thái khiêm tốn là vật nhỏ bé, mỏng mảnh. Đây là lối diễn đạt riêng, thể hiện sự sáng tạo của Nguyễn Du trong cách biểu đạt và sử dụng ngôn từ như *tấm yêu, tấm riêng, tấm son, tấm tình si, tấm thương*... Trong mô hình ẩn dụ này, tình cảm YÊU THƯƠNG như một sự vật nhỏ bé nên cần nâng niu, chi chút. Hơn nữa, trường cảnh mà các BTNN này xuất hiện chủ yếu gắn với Thúy Kiều vì vậy, việc Nguyễn Du nhìn nhận tình cảm YÊU THƯƠNG như *tấm tình si, tấm son, tấm yêu, tấm thương*... là hết sức hợp lí bởi con người Kiều dù yêu nồng nàn nhưng bao giờ cũng luôn coi trọng, nâng tầm người yêu và hạ thấp mình. Đặc biệt, sau này trong hoàn cảnh ở chốn thanh lâu, khi nhớ về Kim Trọng và tình yêu của mình với Kim Trọng, ý thức được hoàn cảnh thực tại của mình, nàng cũng chỉ dám nhắc tới *Tấm son gột rửa bao giờ cho phai*.

Trong mô hình ẩn dụ YÊU THƯƠNG LÀ MỘT VẬT THỂ, Nguyễn Du đã gán các đặc trưng, thuộc tính của vật thể có hình khối cho tình cảm YÊU THƯƠNG. Ẩn dụ này được thể hiện trong các BTNN như: *Nợ tình chưa trả cho ai/ Khối tình mang xuống tay/ Đai chưa tan, Một nhà sum họp trúc mai/ Càng sâu nghĩa bể, càng dài tình sông*... Tình cảm YÊU THƯƠNG được nhận thức như một vật thể có hình khối nên mới có cách nói: *khối tình hay tình dài, tình sâu*, ... Thông qua sự tí

giác theo các chiều trong không gian, có thể nhận thức được lối tư duy về tình cảm này của tác giả *Truyện Kiều*. Trong kho tàng văn học của người Việt, ở câu chuyện tình của Trương Chi và My Nương cũng có một khối ngọc sáng long lanh và được cho chính là trái tim của chàng Trương Chi. Nhận thức của Nguyễn Du về tình cảm YÊU THƯƠNG như một vật thể có hình khối có lẽ cũng từ suy nghĩa dân gian của người Việt qua câu chuyện tình đắm luyến của Trương Chi và My Nương.

Như vậy, trong *Truyện Kiều*, ẩn dụ ý niệm YÊU THƯƠNG LÀ MỘT VẬT THỂ đã thể hiện được rõ rệt nhất quá trình ý niệm hóa của Nguyễn Du về tình cảm YÊU THƯƠNG. Những thuộc tính căn bản của miền Nguồn là VẬT THỂ như có hình dáng, có hình khối, có trọng lượng... đã được lựa chọn để ánh xạ lên miền Đích là tình cảm YÊU THƯƠNG. Có thể thấy sự nhận thức của Nguyễn Du về tình cảm YÊU THƯƠNG thông qua mô hình ẩn dụ ý niệm này được xuất phát từ đặc điểm nhận thức trong cội rễ văn hóa và đặc trưng tư duy của dân tộc Việt. Cùng với tài năng ngôn ngữ và vốn văn hóa của một thiên tài, Nguyễn Du đã vô thức chuyển tải được những tâm tư, tình cảm thuộc phạm trù YÊU THƯƠNG của các nhân vật trong tác phẩm của mình nói riêng và của con người nói chung qua mô hình ẩn dụ ý niệm bản thể này.

4. Kết luận

Ý niệm về tình cảm YÊU THƯƠNG như là một tình cảm gắn bó đặc biệt của hai người khác giới có thể được mỗi người, mỗi nền văn hóa, mỗi hệ tư tưởng quan niệm một cách khác nhau. Trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, tình cảm YÊU THƯƠNG đã được hình dung một cách tương đối rõ nét thông qua các mô thức tri nhận là một tình cảm có cường độ cảm xúc mạnh mẽ, mãnh liệt; thường hướng tới đối thể là người đặc biệt khác giới; có thể phát sinh tình cảm do những nguyên nhân thuần túy cảm xúc hoặc những nguyên nhân khác như sự tri ân, sự tính toán vụ lợi, sự ngưỡng mộ... Con người có thể dùng lí trí để

kiểm soát hành vi của mình nhưng cũng có khi không thể kiểm soát được dẫn đến những hành vi mất kiểm soát: muốn gần gũi hay sự động chạm về thể xác, muốn âu yếm, tình tứ và cao nhất là quan hệ tình dục.

Các mô hình ẩn dụ ý niệm về tình cảm YÊU THƯƠNG trong *Truyện Kiều* vừa mang tính phổ quát với tư duy văn hóa chung của nhân loại vừa mang đặc trưng dân tộc: vừa mang những đặc điểm phù hợp với cách thức tri nhận chung của nhân loại vừa mang những nét riêng trong cách tri nhận của tác giả qua những cách thể hiện các tình cảm bằng các BTNN phong phú, giàu hình ảnh và gợi nhiều liên tưởng. Tất cả những điều đó góp phần tạo nên những nét đặc sắc cho tác phẩm *Truyện Kiều* của đại thi hào Nguyễn Du - một chuyện đời và một chuyện tình với những cảnh ngộ đầy ám ảnh về thân phận, về tình yêu và nỗi buồn, có dáng vẻ một truyện cổ tích, vừa có hậu để an ủi theo cách của những cổ tích thần kì, vừa gợi nên nhiều suy tư về thân phận con người như trong cổ tích hiện thực, với những ước nguyện bình dị nhưng không thành được trọn vẹn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Đào Duy Anh (2009), *Từ điển Truyện Kiều*, Nxb Giáo dục, H.
2. Trần Văn Cư (2007), *Ngôn ngữ học tri nhận* (ghi chép và suy nghĩ), Nxb KHXH, H.
3. Nguyễn Thiên Giáp (2010), *777 khái niệm ngôn ngữ học*, Nxb ĐHQG, H.
4. G. Lakoff and M. Johnson (2003), *Metaphors we live by*, London: The university of Chicago press.
5. Kövecses, Z. (2005), *Metaphors in culture: Universality and Variation*, Cambridge: Cambridge University Press.
6. Phan Ngọc (1987), *Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du trong Truyện Kiều*, Nxb KHXH, H.
7. Lý Toàn Thắng (2008), *Thử nhìn lại một số vấn đề cốt yếu của Ngôn ngữ học tri nhận*, Tạp chí Khoa học, ĐHQG HN, Khoa học Xã hội và Nhân văn (24).
8. Lý Toàn Thắng (2009), *Ngôn ngữ học tri nhận: Từ lí thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt* (tái bản, có sửa chữa, bổ sung), Nxb Phương Đông.